

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2024/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 24 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân

sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBND); Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2023/TT-UBND);

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT); Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT);

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3380/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1. Sửa đổi khoản 6 Điều 2, như sau:

“6. Các nội dung không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3, như sau:

“1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Nội dung chi: Thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND).

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết tối đa không quá 03 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

a) Nội dung chi: Thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); Điều 20 Thông tư số 02/2022/TT-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND).

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án tối đa không quá 01 tỷ đồng, dựa trên quy mô số hộ tham gia dự án, kế hoạch, phương án cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng bình quân tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, như sau:

“1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa

đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết tối đa không quá 03 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể một (01) dự án, phương án sản xuất tối đa không quá 01 tỷ đồng”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5, như sau:

“5. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết tối đa không quá 03 tỷ đồng”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 5, như sau:

“8. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung chi: Thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2023/TT-BNNPTNT).

b) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng kinh phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/điểm du lịch nông thôn/giai đoạn và không quá 50 triệu đồng/sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền/giai đoạn.”

6. Bổ sung khoản 16 Điều 5, như sau:

“16. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không quá 300 triệu đồng/điểm”.

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản tại Điều 4, Điều 5 của Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 4.
2. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 7 và khoản 10 Điều 5.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục

plh

thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã;
- Công báo Đắk Nông; Báo Đắk Nông;
- Đài PTTH tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CTHĐND, HSKH. *plh*

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung